

FACTORS AFFECTING EDUCATIONAL EXPENDITURE: A CASE STUDY OF HOUSEHOLDS IN BINH DUONG PROVINCE

Dao Quyet Thang¹

Vo Ngoc Minh Thu²

Duong Tieu Hoa³

Nguyen Dang Anh Thu⁴

^{1, 2, 3, 4}Thu Dau Mot University

Email: thangdaoquyet@tdmu.edu.vn¹; 2123402011133@student.tdmu.edu.vn²;
2123401011431@student.tdmu.edu.vn³; 2123402010127@student.tdmu.edu.vn⁴.

Received: 5/3/2024

Reviewed: 8/3/2024

Revised: 19/3/2024

Accepted: 27/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v3i1.123>

Abstract:

This study was conducted to analyze the factors affecting household education expenditure in Binh Duong province, using a combination of qualitative and quantitative methodology. A survey of 325 households in Binh Duong province was conducted using a questionnaire that was highly consensual among experts. The results showed that 8 out of 11 variables included in the model were statistically significant, 7 variables of which had a positive impact and 1 variable had a negative impact on household education expenditure. The study also found that the head of household's education level, total expenditure, local policies, and household income were the four factors that had the strongest impact on household education expenditure in Binh Duong. Based on the research results, the article puts forward some opinions for discussion on the issue of promoting households to enhance investment in education.

Keywords: Education expenditure; Household; Binh Duong province.

1. Giới thiệu

Việc nhận thức một cách chính xác các yếu tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục sẽ giúp các hộ gia đình có định hướng và quản lý tốt hơn kế hoạch chi tiêu, đặc biệt là chi tiêu cho giáo dục. Từ kinh nghiệm của các nghiên cứu trước đây của Knight và Shi (1996), Qian và Smyth (2010), Choudhury (2011), Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông (2014), Trần Tùng Chinh và Nguyễn Văn Vũ An (2017), Nguyễn Thị Vân (2019) cho thấy, việc đánh giá các yếu tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình cần phải đánh giá dựa trên điều kiện thực tế ở của mỗi giai đoạn hay mỗi địa phương cụ thể.

Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu các nhân

tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương là một vấn đề cần thiết và quan trọng nhằm giúp các hộ dân chủ động xây dựng cơ cấu chi phí hợp lý. Đồng thời, cũng góp phần hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ hợp lý về giáo dục cho các đối tượng yếu thế trong xã hội, cũng như của toàn thể các hộ gia đình trên địa bàn.

2. Tổng quan nghiên cứu

Giáo dục là nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội và việc phân bổ nguồn lực tài chính cho giáo dục trong các hộ gia đình đóng vai trò then chốt trong việc hình thành kết quả giáo dục (Prabhu, 2023). Kinh tế học từ lâu đã quan tâm đến giáo dục cả về mặt lý thuyết và thực nghiệm như Mincer

(1958), Becker (1964) hay Hanushek (1979), giáo dục được lấy làm chỉ số về vốn con người trong mô hình tăng trưởng (Solow, 1956), trong mô hình tăng trưởng nội sinh (Lucas, 1988) và cả trong mô hình năng suất nhân tố tổng hợp (Krugman, 1994). Cùng với tất cả các nghiên cứu thực nghiệm khác, những nghiên cứu này xem xét vai trò của giáo dục đối với mức thu nhập của đất nước. Bên cạnh đó, các hộ gia đình cũng tập trung đầu tư cho giáo dục của con cái vì họ coi đó là con đường để thoát nghèo. Do đó, chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục có tầm quan trọng đối với việc tích lũy vốn con người và điều quan trọng là phải tập trung vào mối quan hệ giữa mức thu nhập hộ gia đình và chi tiêu giáo dục (Bayar & Yanik İlhan, 2016).

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về các yếu tố quyết định chi tiêu giáo dục, hầu hết các nghiên cứu đều chỉ ra rằng một trong những yếu tố quan trọng nổi bật ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục là mức thu nhập của hộ gia đình. Một số nghiên cứu cho thấy mức thu nhập cao hơn dẫn đến trình độ học vấn cao hơn (Donkoh và Amikuzuno, 2011; Psacharopoulos và cộng sự, 1997; Qian và Smyth, 2010; Chung và Choe, 2001). Tuy nhiên, do nhu cầu về giáo dục ở các quốc gia khác nhau nên ảnh hưởng của thu nhập hộ gia đình đến chi tiêu cho giáo dục không giống nhau. Trong khi một số nghiên cứu lại khẳng định độ co giãn theo thu nhập của các hộ gia đình giàu hơn là âm và đối với các nhóm thu nhập trung bình là dương, một số khác lại cho thấy tác động ngược lại (Hashimoto và Health, 1995; Tansel và Bircan, 2006; Tilak, 2000, 2002; Fernandez và Rogerson, 2003; Psacharopoulos và Papakonstantinou, 2005). Sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị đóng vai trò quan trọng trong chi tiêu giáo dục, các nghiên cứu đều chỉ ra rằng, chi tiêu cho giáo dục ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn (Psacharopoulos và cộng sự, 1997; Kanellopoulos và Psacharopoulos, 1997; Donkoh và Amikuzuno, 2011). Ngoài ra, một số nghiên cứu lại chỉ ra rằng, đặc điểm của hộ gia đình là những thành phần quan trọng trong chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục. Một số đặc điểm này là trình độ học vấn và tình trạng việc làm của cha mẹ, số con trong gia đình, độ tuổi đi học của trẻ, sức khỏe và giới tính (Knight và Shi, 1996; Qian và Smyth, 2010; Choudhury,

2011; Lakshamanasamy, 2006; Tilak, 2002; Psacharopoulos, 1997; Psacharopoulos và Robert, 2000).

Ở Việt Nam, cũng có các nghiên cứu đánh giá tác động của các nhân tố đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình. Ở cấp độ quốc gia, theo Vũ Quang Huy (2012), thu nhập của hộ có tác động dương đến chi tiêu giáo dục hay thu nhập hàng năm của hộ càng cao thì chi tiêu giáo dục càng lớn. Kết quả này cho thấy, những gia đình có nhiều nguồn lực hơn và vốn nhân lực tốt hơn là những người có khả năng dành nhiều nguồn lực hơn cho việc học tập của con cái họ. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu cũng đánh giá vấn đề này ở cấp độ địa phương như nghiên cứu ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (Dũng và Thông, 2014), tỉnh Trà Vinh (Chinh và An, 2017), thành phố Hồ Chí Minh (Vân, 2019). Hầu hết các nghiên cứu đều tìm thấy mối quan hệ tác động của trình độ học vấn chủ hộ, dân tộc, thu nhập. Ngoài ra, một số biến khác như khu vực sinh sống, trình độ học vấn, tuổi chủ hộ (Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông, 2014); học phí, tình trạng gia đình, giá trị tài sản, khoảng cách, học thêm, tổng số người đi học (Chinh và An, 2017); ý thức giáo dục của chủ hộ (Vân, 2019). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu không có sự đồng nhất giữa các nghiên cứu về các nhân tố tác động cũng như chiều hướng và mức độ tác động đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình.

Qua tổng quan nghiên cứu có thể thấy, có không ít nghiên cứu đánh giá tác động của các nhân tố đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình, tuy nhiên, kết quả nghiên cứu được tìm thấy là không đồng nhất giữa các nghiên cứu. Hơn nữa, Bình Dương là tỉnh có nhiều đặc điểm khác biệt, đây là nơi có nền kinh tế mới nổi phát triển nhanh chóng, thu hút lực lượng lao động trẻ, chính sách hỗ trợ giáo dục cũng có nhiều đặc điểm riêng, điều này cũng tạo ra sự khác biệt không nhỏ trong quyết định chi tiêu cho giáo dục của các hộ gia đình tại đây. Do đó, việc nghiên cứu các nhân tố tác động đến chi tiêu của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương có nhiều giá trị cả về mặt lý luận và thực tiễn.

3. Phương pháp nghiên cứu và mô hình nghiên cứu đề xuất

3.1. Địa bàn nghiên cứu

KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Bình Dương là một trong những tỉnh phát triển mạnh mẽ ở khu vực Đông Nam Bộ. Cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 30 km theo đường Quốc lộ 13. Với địa hình bằng phẳng thuận lợi cho việc mở mang hệ thống giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và sản xuất nông nghiệp. Nằm ngay vị trí trung tâm, thu hút người lao động từ nhiều địa điểm, nên Bình Dương nắm giữ vai trò quan trọng trong lĩnh vực kinh tế, chính trị góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế. Điều này góp phần thu hút lực lượng lao động trẻ di cư từ các nơi đến sinh sống và lập nghiệp. Trong những năm gần đây, Bình Dương đã chú trọng đầu tư vào giáo dục và đào tạo hơn cho người dân, mở rộng trường học, đầu tư các trang thiết bị cần thiết cho học sinh, sinh viên cùng với công tác quản lý giáo dục và nhiều chế độ, chính sách ưu tiên phát triển. (UBND tỉnh Bình Dương, 2023)

Điều kiện phát triển như trên đã tạo ra cho tỉnh Bình Dương có cơ cấu dân số rất trẻ, mức thu nhập cũng có sự chênh lệch giữa người nhập cư và người địa phương. Điều này đã tạo ra sự khác biệt khá lớn trong cơ cấu chi tiêu của các hộ gia đình (UBND tỉnh Bình Dương, 2023). Do đó, cũng tạo ra sự khác biệt khá lớn về chi tiêu cho giáo dục của các hộ so với các địa phương khác.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ khảo sát các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương thông qua bảng câu hỏi được chuẩn hóa với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Cơ sở phân tầng là theo địa phương kết hợp với theo khu vực sinh sống.

Theo Tabachnick và Fidell (1996), để tiến hành phân tích hồi quy một cách tốt nhất, cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được tính theo công thức $N \geq 8k + 50$ (trong đó N là cỡ mẫu, k là tổng số biến độc lập của mô hình). Nghiên cứu này có 11 biến quan sát và kích thước mẫu ít nhất phải là $8 \cdot 11 + 50 = 138$ quan sát. Để đảm bảo chất lượng thông tin và dữ liệu phân tích, nhóm tác giả đã gửi bảng hỏi và nhận được 400 phiếu trả lời, trong đó có 325 phiếu hợp lệ để đưa vào phân tích đạt tỉ lệ 81,25%. Cỡ

mẫu này đáp ứng điều kiện về cỡ mẫu tối thiểu để phân tích OLS và phân bố ở các địa phương cụ thể như sau:

Bảng 1: Thống kê cỡ mẫu phân theo địa bàn sinh sống của hộ gia đình

Địa bàn	Số lượng	Tỉ lệ
Thành phố Thủ Dầu Một	36	11,08%
Huyện Bàu Bàng	12	3,69%
Huyện Dầu Tiếng	18	5,54%
Thị xã Bến Cát	37	11,38%
Huyện Phú Giáo	11	3,38%
Thành phố Tân Uyên	23	7,08%
Thành phố Dĩ An	93	28,62%
Thành phố Thuận An	78	24,00%
Huyện Bắc Tân Uyên	17	5,23%
Tổng	325	100,00%

Nguồn: Phân tích từ kết quả khảo sát của nhóm tác giả từ 325 hộ gia đình ở tỉnh Bình Dương

3.3. Phương pháp nghiên cứu

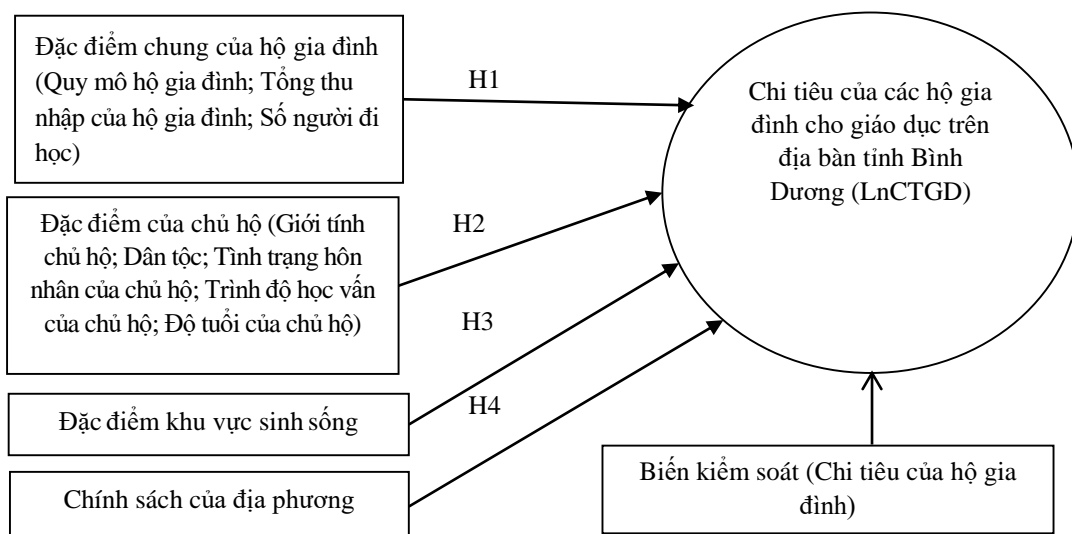
Nghiên cứu kết hợp cả hai phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Trong đó: Nghiên cứu định tính: thực hiện bằng phương pháp phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế và quản lý nhà nước để giúp nhóm tác giả xem xét lại các nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương; điều chỉnh lại thang đo; điều chỉnh câu hỏi và từ ngữ trong bảng hỏi cho hợp lý.

Nghiên cứu định lượng thực hiện bằng phương pháp phân tích bình phương bé nhất (OLS) để đánh giá tác động của các nhân tố đến chi tiêu cho giáo dục của các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Dữ liệu định lượng đã được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0.

3.4. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Căn cứ vào tổng quan nghiên cứu và phỏng vấn chuyên gia, kết hợp với quan sát thực tế tại tỉnh Bình Dương, mô hình nghiên cứu được tác giả lựa chọn cụ thể:

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Các biến được sử dụng trong mô hình nghiên cứu đề xuất được tổng hợp từ các nghiên cứu trước đó kết hợp với phỏng vấn sâu với tỷ lệ các chuyên gia đồng ý từ 80% trở lên để xác định các biến đưa vào mô hình nghiên cứu. Cụ thể:

Bảng 2: Các biến số và thang đo được sử dụng trong mô hình nghiên cứu

TT	Yếu tố	Biến quan sát	Mã hóa	Cách đo lường	Kỳ vọng	Nguồn
Biến phụ thuộc						
	Chi tiêu của các hộ gia đình cho giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Chi tiêu của các hộ gia đình cho giáo dục trên địa bàn tỉnh Bình Dương	LnCTGD	Ln (Tổng chi phí chi cho giáo dục của hộ gia đình/năm bao gồm: Chi học phí; chi đóng góp trường lớp; chi quần áo, đồng phục; chi sách giáo khoa; chi dụng cụ học tập; chi học thêm; chi khác).		Donkoh và Amikuzuno (2011)
Các biến độc lập						
1	Đặc điểm chung của hộ gia đình	Quy mô hộ gia đình	QM	Số lượng người trong gia đình	+	Qian và Smyth (2010); Choudhury (2011); Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông (2014)
		Tổng thu nhập của hộ gia đình	LnTTN	Ln (tổng thu nhập của hộ/năm)	+	
		Số người đi học	SNDH	Số người đi học hiện tại của hộ	+	
		Giới tính chủ hộ	GT	0 = Giới tính Nam 1 = Giới tính Nữ	+	
		Dân tộc	DT	0 = Dân tộc khác 1 = Dân tộc kinh	+	

KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

2	Đặc điểm của chủ hộ	Tình trạng hôn nhân của chủ hộ	TTHN	1 = Chưa vợ/chồng 2 = Goá 3 = Ly hôn 4 = Đang có vợ/chồng	-	Nguyễn Thanh Thủy (2023), Vũ Trọng Anh (2018); Choudhury (2011); Lakshmanasamy (2006); Tilak (2002); Psacharopoulos và Robert (2000)
		Trình độ học vấn của chủ hộ	TĐHV	1 = Không bằng cấp 2 = Tiểu học 3 = THCS 4 = THPT 5 = Cao đẳng 6 = Đại học	+	
		Độ tuổi của chủ hộ	T	Ln (Tuổi của chủ hộ)	+/-	
3	Đặc điểm khu vực sinh sống	Khu vực sinh sống của hộ gia đình	KV	0 = Nông thôn 1 = Thành thị	+	Nguyễn Thanh Thủy (2023), Quian và Smyth (2010), Psacharopoulos và cộng sự (1997); Donkoh và Amikuzuno (2011)
4	Chính sách của địa phương	Hỗ trợ tài chính giáo dục	HTTC	0 = Không nhận được hỗ trợ Nhà nước 1 = Có nhận được hỗ trợ từ Nhà nước	-	Trần Thanh Sơn (2012)
5	Nhóm biến kiểm soát	Tổng chi tiêu.	LnTCT	LN (tổng chi tiêu của hộ). Tổng chi tiêu đưa vào phân tích là toàn bộ các khoản chi tiêu không bao gồm chi tiêu cho giáo dục.	+	Không Tiên Dũng và Phạm Lê Thông (2014)

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp và đề xuất

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả

Trong tổng số 325 hộ gia đình được khảo sát trên địa bàn tỉnh Bình Dương có 72,6% chủ hộ là nam giới, Dân tộc chủ yếu là dân tộc Kinh (chiếm 96,6%). Do khảo sát hộ nên phần lớn chủ hộ là người đã lập gia đình (chiếm 89,5%), một số ít là

góa hoặc đã ly hôn, tỉ lệ chưa lập gia đình rất thấp (chiếm 1,2%). Trình độ học vấn chủ yếu ở cấp tiểu học và trung học cơ sở chiếm hơn 49%. Các hộ được khảo sát phần lớn ở thành thị (chiếm khoảng 60,6%). Các kết quả này thể hiện cơ cấu của các hộ dân ở khu vực tỉnh Bình Dương. Chi tiết ở bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Thống kê mô tả mẫu khảo sát

	Chỉ tiêu	Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính của chủ hộ	0. Nam	236	72,6%
	1. Nữ	89	27,4%

Dân tộc của chủ hộ	0. Khác	11	3,4%
	1. Kinh	314	96,6%
Tình trạng hôn nhân của chủ hộ	1. Chưa vợ/chồng	4	1,2%
	2. Goá	19	5,8%
	3. Ly hôn	11	3,4%
	4. Đang có vợ/chồng	291	89,5%
Trình độ học vấn của chủ hộ	1. K0 bằng cấp	44	13,5%
	2. Tiểu học	88	27,1%
	3. THCS	72	22,2%
	4. THPT	61	18,8%
	5. Cao đẳng	37	11,4%
	6. Đại học	23	7,1%
Khu vực sinh sống	0. Nông thôn	128	39,4%
	1. Thành thị	197	60,6%
Tổng		325	100%

Nguồn: Phân tích từ kết quả khảo sát của nhóm tác giả từ 325 hộ gia đình ở tỉnh Bình Dương

4.2. Chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình, trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Bảng 4. Chi tiêu cho giáo dục của nông hộ, trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ĐVT: Nghìn đồng/năm

Chi tiêu	Chung		Nông thôn		Thành thị	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Chi tiêu cho giáo dục	24.565	28.897	23.824	25.898	25.047	30.743
Tổng thu nhập	568.417	684.895	556.837	512.918	575.941	777.694

Nguồn: Phân tích từ kết quả khảo sát của nhóm tác giả từ 325 hộ gia đình ở tỉnh Bình Dương

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trung bình mỗi hộ dân chi tiêu hơn 24,5 triệu đồng/năm cho giáo dục. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn lại khá cao gần 29 triệu đồng/năm. Chi tiêu của các hộ có thu nhập cao cho giáo dục thường lớn hơn rất nhiều so với các hộ có thu nhập thấp. Trong thực tế, việc chi tiêu cho giáo dục cơ bản ở tỉnh Bình Dương là khá thấp, các khoản chi phí này chủ yếu tập trung cho việc chi trả cho các hoạt động ở các cấp học. Một khoản chi tiêu khác tạo ra sự chênh lệch lớn giữa các hộ có thu nhập cao và thu nhập thấp là chi phí học ngoại ngữ, kỹ năng và các chương trình tiên

tiên bổ trợ. Ở các khoản này, hộ có thu nhập cao thường chi ra một khoản tiền khá lớn trong khi các hộ có thu nhập thấp hầu như đầu tư ở một mức khá hạn chế. Bên cạnh đó, chi phí trung bình ở khu vực thành thị cũng cao hơn so với khu vực nông thôn. Mức chênh lệch chi tiêu cho giáo dục ở thành thị cũng cao hơn hẳn so với ở nông thôn. Chênh lệch này tạo ra do khoảng cách thu nhập ở thành thị cũng lớn hơn hẳn khu vực nông thôn và ở thành thị cũng có nhiều cơ hội cho đầu tư giáo dục, như đầu tư học ngoại ngữ và các chương trình tiên tiến bổ trợ.

4.3. Tác động của các nhân tố đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình, trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Bảng 5. Kết quả hồi quy mô hình

Coefficients ^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	-0,952	0,873		-1,090	0,277		
	QM	0,192	0,041	0,217	4,729	0,000	0,665	1,503
	LnTTN	0,318	0,047	0,272	6,775	0,000	0,869	1,151
	SNDH	0,387	0,068	0,234	5,697	0,000	0,831	1,203
	GT	0,039	0,088	0,017	0,440	0,660	0,902	1,108
	DT	-0,003	0,212	-0,001	-0,016	0,987	0,955	1,047
	TTHN	0,152	0,070	0,089	2,187	0,029	0,843	1,187
	TĐHV	0,274	0,029	0,395	9,319	0,000	0,778	1,285
	T	0,246	0,170	0,063	1,445	0,149	0,737	1,357
	KV	0,467	0,087	0,228	5,387	0,000	0,783	1,277
	HTTC	-0,267	0,101	-0,102	-2,646	0,009	0,940	1,064
	LnTCT	0,207	0,025	0,322	8,306	0,000	0,934	1,071
Model Summary						ANOVA ^a		
R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate			F	Sig.	
0,750 ^a	0,562	0,547	0,675			36,506	0,000 ^b	
a. Dependent Variable: LnCTGD								

Nguồn: Phân tích từ kết quả khảo sát của nhóm tác giả từ 325 hộ gia đình ở tỉnh Bình Dương

Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình cho kết quả R² hiệu chỉnh = 0,547. Như vậy, 54,7% sự thay đổi của chỉ tiêu cho giáo dục của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương được giải thích bởi biến độc lập.

Kiểm định ANOVA cho kết quả Sig.=0,000<0,05. Như vậy với độ tin cậy 95% có thể kết luận mô hình hồi quy là phù hợp. Các hệ số VIF của các biến cũng đều nhỏ hơn 2 cho thấy các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Thông qua kết quả hồi quy cho thấy, trong 11 biến đưa vào mô hình hồi quy thì có 8 biến có tác động tới chỉ tiêu cho giáo dục của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương và 3 biến không có tác động với độ tin cậy 95%. Trong đó có 7 biến tác động thuận chiều là Quy mô hộ gia đình (QM), Tổng thu nhập của hộ gia đình (LnTTN), Số người đi học (SNDH), Tình trạng hôn nhân của chủ hộ (TTHN), Trình độ học vấn của chủ hộ (TĐHV), Khu vực sinh sống của hộ gia đình (KV), Tổng chi tiêu (LnTCT). Một biến tác động

ngược chiều là Hỗ trợ tài chính giáo dục (HTTC). Ngoài ra có 3 biến không tìm thấy sự tác động là Giới tính chủ hộ (GT), Dân tộc (DT), Độ tuổi của chủ hộ (T).

5. Bàn luận

Thông qua kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự chênh lệch chỉ tiêu cho giáo dục ở khu vực thành thị và khu vực nông thôn, tuy nhiên mức chênh lệch này không đáng kể. Vấn đề cần chú ý là mức chênh lệch chỉ tiêu cho giáo dục giữa các hộ gia đình là khá lớn. Điều này cho thấy lĩnh vực giáo dục ở tỉnh Bình Dương khá đa dạng và phong phú với nhiều hình thức khác nhau. Tùy theo mức thu nhập, các hộ có thể lựa chọn các khóa học từ bình thường đến cao cấp cho con em của mình (Dựa trên kết quả phỏng vấn sâu các hộ gia đình của nhóm nghiên cứu).

Trong các nhân tố tác động đến chỉ tiêu cho giáo dục của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương được tìm thấy thông qua mô hình hồi quy: Trình độ học vấn của chủ hộ (TĐHV) và Mức chi tiêu của hộ (LnTCT) là hai biến có tác động thuận

chiều mạnh nhất đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở tỉnh Bình Dương. Kết quả này ủng hộ cho các nghiên cứu trước đó của Qian và Smyth (2010), Choudhury (2011), Lakshamanasamy (2006), Vũ Quang Huy (2012), Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông (2014), Trần Tùng Chinh và Nguyễn Văn Vũ An (2017). Điều này cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì nhận thức của họ về kết quả thu được khi đầu tư cho giáo dục càng lớn, từ đó, gia tăng chi tiêu cho giáo dục trong cơ cấu chi tiêu chung của hộ gia đình.

Mức độ tác động tiếp theo là biến tổng thu nhập (LnTTN) và biến số người đi học của hộ (SNDH), hai biến này cũng có tác động thuận chiều. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu trước đó của Qian và Smyth (2010), Choudhury (2011), Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông (2014). Điều này cho thấy mức thu nhập càng cao thì các hộ có xu hướng tăng chi tiêu cho giáo dục càng lớn. Số người đang đi học nhiều buộc các gia đình cần phải gia tăng mức chi tiêu cho giáo dục. Tuy nhiên, mức gia tăng chi tiêu cho giáo dục khi tăng biến số người đi học không mạnh bằng các phân tích ở trên, có thể thấy nếu thêm người đi học thì các hộ có xu hướng cân nhắc nhiều hơn trong chi tiêu giáo dục, tỉ lệ tăng chi tiêu cho giáo dục thường thấp hơn so với tỉ lệ tăng số người đi học (Dựa trên kết quả phỏng vấn sâu các hộ gia đình của nhóm nghiên cứu). Do đó, việc gia tăng dân số ở mức cao sẽ dễ dẫn đến nguy cơ giảm chi tiêu cho giáo dục bình quân/người đi học.

Mức độ tác động tiếp theo, Khu vực sinh sống (KV) và Quy mô hộ gia đình (QM) là các biến có tác động thuận chiều đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở tỉnh Bình Dương. Kết quả cho thấy khu vực thành thị có chi tiêu giáo dục cao hơn khu vực nông thôn, điều này phù hợp với thống kê mô tả và nghiên cứu trước đó của Nguyễn Thanh Thủy (2023), Qian và Smyth (2010), Psacharopoulos và cộng sự (1997); Donkoh và Amikuzuno (2011). Việc sinh sống ở thành thị sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi cho đầu tư giáo dục của hộ gia đình, tuy nhiên, đối với tỉnh Bình Dương, không có nhiều sự chênh lệch giữa khu vực thành thị và nông thôn. Chính quyền địa phương đã ra sức xây dựng cũng như tạo điều kiện cho các tổ chức tư nhân đầu tư các dịch vụ giáo dục ở khu

vực nông thôn giúp người dân nông thôn tăng cơ hội học tập (UBND tỉnh Bình Dương, 2023). Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng tìm thấy sự tác động của Quy mô hộ gia đình đến chi tiêu giáo dục như nghiên cứu trước đó của Qian và Smyth (2010); Choudhury (2011); Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông (2014). Kết quả nghiên cứu này cũng trùng khớp với đánh giá của tổng cục thống kê dựa vào kết quả khảo sát bộ dữ liệu VHLSS các năm trước đó (Tổng cục thống kê, 2021).

Hỗ trợ tài chính giáo dục (HTTC) thuộc chính sách của chính quyền địa phương là biến duy nhất có tác động ngược chiều đến mức chi tiêu cho giáo dục của hộ. Điều này cũng dễ dàng giải thích khi các hộ gia đình nhận được sự hỗ trợ tài chính từ địa phương cho giáo dục sẽ giúp họ giảm áp lực cho các khoản chi phí giáo dục. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu trước đó của Trần Thanh Sơn (2012). Biến tác động yếu nhất trong 8 biến có ý nghĩa thống kê là Tình trạng hôn nhân của chủ hộ (TTHN). Theo cách mã hóa giá trị của biến này cho thấy, khi có đủ bố và mẹ thì mức chi tiêu cho giáo dục sẽ cao hơn so với chỉ có một trong hai. Để tạo điều kiện tốt nhất cho thể hệ trẻ trong phát triển giáo dục thì bố mẹ cũng cần xây dựng nền tảng gia đình hạnh phúc.

Ba biến chưa tìm thấy mối quan hệ tác động là giới tính của chủ hộ (GT), Tuổi chủ hộ (T) và Dân tộc (DT). Kết quả này không trùng với các nghiên cứu trước đây của Nguyễn Thanh Thủy (2023), Vũ Trọng Anh (2018); Choudhury (2011); Lakshamanasamy (2006); Tilak (2002); Psacharopoulos và Robert (2000).

Có thể thấy, thông qua kết quả nghiên cứu, nhóm nhân tố Đặc điểm hộ gia đình và Đặc điểm của chủ hộ có vai trò quyết định rất lớn trong chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Có nhiều biến có thể cải tiến nhưng cũng có những biến khó có thể thay đổi hoặc không thể thay đổi. Chính vì vậy, mỗi gia đình tùy theo điều kiện thực tế của gia đình mình nên xây dựng một cơ cấu chi tiêu cho giáo dục hợp lý, giúp nâng cao hiệu quả và chất lượng đầu tư giáo dục. Đồng thời góp phần gia tăng vốn con người của hộ gia đình, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của gia đình, địa phương và toàn xã hội.

Nghiên cứu vẫn còn hạn chế là chưa đánh giá được cơ cấu chi tiêu cho giáo dục đối với giới tính của người đi học để làm rõ sự bất bình đẳng trong quan điểm chi tiêu cho giáo dục của các hộ gia đình ở tỉnh Bình Dương hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu cũng chưa đánh giá và so sánh tác động của các nhân tố đến cơ cấu chi tiêu giáo dục bắt buộc (Chi phí học các cấp) và chi tiêu giáo dục không bắt buộc (Chi phí học thêm, học kỹ năng, ngoại ngữ, ...) để giúp có được góc nhìn toàn cảnh trong chi tiêu của giáo dục. Đây sẽ là các nội dung cần khai thác cho các nghiên cứu tiếp theo của nhóm tác giả.

6. Kết luận

Đầu tư cho giáo dục góp phần gia tăng vốn con người, đây là khoản đầu tư vô cùng quan trọng đối với mỗi quốc gia. Tất cả các quốc gia trên thế giới đều khẳng định vai trò quan trọng hàng đầu của đầu

tư cho giáo dục, đồng thời cũng nhấn mạnh rất cần sự chung tay góp sức của cả nhà nước và người dân. Nghiên cứu này đã chỉ ra các nhân tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương, bốn nhóm nhân tố được đưa vào mô hình đều có ý nghĩa thống kê (ngoại trừ 3 biến ở nhóm đặc điểm chủ hộ). Dựa trên kết quả nghiên cứu, các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và Việt Nam nói chung có thể chủ động xây dựng phương án chi tiêu của mình nhằm tạo ra hiệu quả trong việc đầu tư cho giáo dục. Đồng thời, chính quyền địa phương cũng có phương án gia tăng truyền truyền, nâng cao nhận thức của các hộ gia đình về vai trò to lớn của vốn con người và ý nghĩa quan trọng trong việc đầu tư cho giáo dục, giúp cho hộ gia đình có những định hướng đúng đắn trong đầu tư cho giáo dục ở cấp hộ.

Tài liệu tham khảo

- Bayar, A. A. & Yanik İlhan, B. (2016). Determinants of household education expenditures: Do poor spend less on education?. *Topics in Middle Eastern and North African Economies*, 18. Becker, G. S. (1964). *Human Capital*. New York: National Bureau of Economic Research.
- Bo Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Bình Dương cần có sự đầu tư thực sự đột phá cho giáo dục*. Truy cập ngày 20/02/2024 từ <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8503>.
- Choudhury, P. K. (2011). Patterns and Determinants of Household Expenditure on Engineering Education in Delhi. *Rethinking Development in an Age of Scarcity and Uncertainty, New Values, Vocies and Alliances for Increased Resilience*.
- Chung, Y. S., & Choe, M. K. (2001). Sources of family income and expenditure on children's private, after-school education in Korea. *International Journal of Consumer Studies*, 25(3), 193-199.
- Donkoh, S. A., & Amikuzuno, J. A. (2011). The determinants of household education expenditure in Ghana. *Educational Research and Reviews*, 6(8), 570-579.
- Fernandez, R., & Rogerson, R. (2003). Equity and resources: An analysis of education finance systems. *Journal of political Economy*, 111(4), 858-897.
- Hanushek, E. A. (1979). Conceptual and empirical issues in the estimation of educational production functions. *Journal of human Resources*, 351-388.
- Hashimoto, K., & Heath, J. A. (1995). Income elasticities of educational expenditure by income class: The case of Japanese households. *Economics of education review*, 14(1), 63-71.
- Kanellopoulos, C., & Psacharopoulos, G. (1997). Private education expenditure in a 'free education' country: the case of Greece. *International Journal of Educational Development*, 17(1), 73-81.
- Khong Tien Dung. & Pham Le Thong. (2014). *Các yếu tố Ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của người dân ở Đông bang sông Cửu*

- Long. *Tap chi Khoa hoc Dai hoc can Tho*, (31), 81-90.
- Knight, J., & Shi, L. (1996). Educational attainment and the rural-urban divide in China. *Oxford Bulletin of Economics and Statistics*, 58(1), 83-117.
- Krugman, P. (1994). The myth of Asia's miracle. *Foreign affairs*, 62-78.
- Lakshamanasamy, T. (2006). Demand for Higher Education and Willingness to Pay: An Econometric Analysis using Contingent Valuation Method. *Manpower Journal*, 4(1), 97-120.
- Lucas Jr, R. E. (1988). On the mechanics of economic development. *Journal of monetary economics*, 22(1), 3-42.
- Mincer, J. (1958). Investment in human capital and personal income distribution. *Journal of political economy*, 66(4), 281-302.
- Prabhu, S. (2023). Educational spending in Indian households: A comparative analysis across well-being metrics. *Journal of Social Sciences and Humanities Research Fundamentals*, 3(10), 01-05.
- Psacharopoulos, G. (2000). Building human capital in Europe: Issues and methods. *The Appraisal of Investments in Educational Facilities*, 17.
- Psacharopoulos, G., & Papakonstantinou, G. (2005). The real university cost in a “free” higher education country. *Economics of education review*, 24(1), 103-108.
- Psacharopoulos, G., Arieira, C. R., & Mattson, R. (1997). Private education in a poor country: The case of urban Bolivia. *Economics of Education Review*, 16(4), 395-406.
- Qian, J. X., & Smyth, R. (2011). Educational expenditure in urban China: income effects, family characteristics and the demand for domestic and overseas education. *Applied Economics*, 43(24), 3379-3394.
- Solow, R. M. (1956). A contribution to the theory of economic growth. *The quarterly journal of economics*, 70(1), 65-94.
- Tabachnick, B.G., & Fidell, L.S. (1996). *Using multivariate statistics (3rd ed.)*. New York: HarperCollins.
- Tansel, A., & Bircan, F. (2006). Demand for education in Turkey: A tobit analysis of private tutoring expenditures. *Economics of education review*, 25(3), 303-313.
- Tilak, J. B. (2000). *Household Expenditure on Education in India: A Preliminary Examination of the 52nd Round of the National Sample Survey*. National Institute of Educational Planning and Administration.
- Tilak, J. B. (2002). *Determinants of household expenditure on education in rural India*. 88. New Delhi: National Council of Applied Economic Research.
- Tong cuc thong ke (2021). *Chi tieu cho giao duc, dao tao cua cac ho gia dinh o viet nam nhung nam gan day*. Truy cap ngay 25/02/2024 tu <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/09/chi-tieu-cho-giao-duc-dao-tao-cua-cac-ho-gia-dinh-o-viet-nam-nhung-nam-gan-day/>.
- Tran Tung Chinh. & Nguyen Van Vu An. (2017). Cac yeu to anh huong den viec chi tieu cho giao duc cua cac nong ho tai dia ban Tinh Tra Vinh. *Tap chi khoa hoc Truong Dai hoc Tra Vinh*, 28, 1-10.
- UBND tinh Binh Duong (2023). *Bao cao tinh hình Kinh te- Xa hoi, Quoc phong-An ninh nam 2023, phuong huong nhien vu nam 2024*. Truy cap ngay 10/02/2024 tu <https://www.binhduong.gov.vn/chinhquyen/Pages/bao-cao-kinh-te-xa-hoi-chi-tiet.aspx?ItemID=162>.
- Vu Quang Huy. (2012). Determinants of educational expenditure in Vietnam. *International Journal of Applied Economics*, 9(1), 59-72.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHI TIÊU CHO GIÁO DỤC: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đào Quyết Thắng¹

Võ Ngọc Minh Thu²

Dương Tiểu Hòa³

Nguyễn Đặng Anh Thu⁴

^{1, 2, 3, 4}Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: thangdaoquyet@tdmu.edu.vn¹; 2123402011133@student.tdmu.edu.vn²;

2123401011431@student.tdmu.edu.vn³; 2123402010127@student.tdmu.edu.vn⁴.

Ngày nhận bài: 5/3/2024

Ngày phản biện: 8/3/2024

Ngày tác giả sửa: 19/3/2024

Ngày duyệt đăng: 27/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v3i1.123>

Tóm tắt:

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương với cách kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu thực hiện khảo sát 325 hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Dương thông qua bảng khảo sát đã được sự đồng thuận cao của các chuyên gia. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, có 8 biến trong tổng số 11 biến đưa vào mô hình có ý nghĩa thống kê, trong đó 7 biến tác động thuận chiều và 1 biến tác động nghịch chiều đến chi tiêu của hộ gia đình cho giáo dục. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra: Trình độ học vấn của chủ hộ, tổng chi tiêu, chính sách của địa phương và thu nhập của hộ là 4 biến tác động mạnh nhất đến chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở tỉnh Bình Dương. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số ý kiến bàn luận về vấn đề thúc đẩy hộ gia đình tăng cường đầu tư cho giáo dục.

Từ khóa: Chi tiêu cho giáo dục; Hộ gia đình; Tỉnh Bình Dương.